

Số: **33** /2020/QĐST-HNGĐ

Son Trà, ngày 30 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Bà **Phạm Thị L** - Sinh năm: 1980; HKTT: 37 Nguyễn Tất T, quận H, Đà Nẵng. Tạm trú tại: 258 K, tổ 59 phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

+ Ông **Nguyễn Tấn D** - Sinh năm: 1975; HKTT: 37 Nguyễn Tất T, quận H, Đà Nẵng. Tạm trú tại: 258 K, tổ 59 phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 cấp ngày 15/9/2004. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại 258 K, tổ 59 phường N, quận S, TP. Đà Nẵng. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau về mặt kinh tế dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột. Mặt khác, ông D cho rằng hôn nhân của ông bà không xuất phát từ tình yêu nên trong cuộc sống cả hai thiếu sự quan tâm, thấu hiểu nhau. Nay ông D, bà L xác định không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông D, bà L lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông D, bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông D, bà L là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L xác định có 02 con chung: Nguyễn Tấn K – sinh ngày 30/6/2004, Nguyễn Phạm Quỳnh T– sinh ngày: 06/12/2009. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con hai con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông D phải cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) (tương đương 3.000.000 đồng/ 1con) vào ngày 10 hàng tháng bắt đầu từ tháng 2/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: ông D, bà L xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008371 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L (*Giấy chứng nhận kết hôn số 121 do Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/9/2004 không còn giá trị pháp lý*).

- Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L xác định có 02 con chung: Nguyễn Tấn K – sinh ngày 30/6/2004, Nguyễn Phạm Quỳnh T – sinh ngày: 06/12/2009. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con hai con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông D phải cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) (tương đương 3.000.000 đồng/ 1con) vào ngày 10 hàng tháng bắt đầu từ tháng 2/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: ông D, bà L xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Tấn D và bà Phạm Thị L mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008371 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường T, quận H, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hạnh**